

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Mai Thu Quỳnh

NGHIÊN CỨU VĂN BIA HẬU TỘC
KHU VỰC BẮC BỘ VIỆT NAM

Chuyên ngành: Hán Nôm

Mã số: 9220104.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ HÁN NÔM

Hà Nội - 2025

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Kim Sơn

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn Thị Oanh

Phản biện: PGS.TS. Trần Trọng Dương

Phản biện: TS. Nguyễn Tô Lan

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp ĐHQG,
hợp tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.
vào hồi:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

- Nghiên cứu lịch sử kinh tế, văn hóa, tư tưởng Việt Nam là sự nghiệp cần nhiều thời gian và công sức của nhiều thế hệ. Hiểu biết về lịch sử và văn hóa của chính mình là một nhiệm vụ cấp thiết.

- Ở Việt Nam, việc nghiên cứu lịch sử kinh tế, văn hóa, tư tưởng bằng các tư liệu chính sử đã có nhiều thành tựu, nhưng nghiên cứu các vấn đề đó từ góc tiếp cận gia tộc thì còn cần nhiều công trình nghiên cứu với lượng tư liệu gốc phong phú đa dạng hơn nữa.

- Nghiên cứu văn bia Hậu tộc và những thông tin về đời sống gia tộc người Việt khu vực Bắc Trung Bộ thời kì trung đại, hướng tới tìm hiểu Lịch sử kinh tế, văn hóa, tư tưởng từ hướng tiếp cận gia tộc cũng là hướng làm mà bản thân tác giả luận án theo đuổi nhiều năm nay.

- Tư liệu gốc, tức tư liệu cấp một, của đề tài là hệ thống các văn bia Hậu tộc, các loại tư liệu của dòng họ và các tư liệu liên quan. Các tư liệu này đều là tư liệu Hán Nôm, việc xử lí các tư liệu này và nghiên cứu chúng rất phù hợp với chuyên ngành đào tạo Hán Nôm.

Vì những lí do trên, tôi xin chọn đề tài *Nghiên cứu văn bia Hậu tộc khu vực Bắc Bộ Việt Nam* để thực hiện luận án.

2. Mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Về mục đích nghiên cứu

- Giới thiệu và làm rõ phong tục bầu Hậu trong phạm vi tổ chức dòng họ, tiến tới giới thiệu và thảo luận một số vấn đề của văn hóa gia tộc trong cộng đồng người Việt khu vực Bắc Bộ thế kỉ XVII - XX, từ đó đề ra một vài kiến nghị về việc nghiên cứu văn hóa – lịch sử, về việc quản lí hoạt động cung tiến cũng như văn hóa cung tiến và báo đáp của người Việt.

- Cung cấp tư liệu, cứ liệu, dẫn chứng cho các nghiên cứu khác thuộc lĩnh vực Nho học làng xã, Lịch sử địa phương, văn hóa làng xã, từ đó đề xuất kiến nghị và giải pháp quản lí xã hội.

- Từ mục tiêu trên, câu hỏi nghiên cứu chủ yếu mà đề tài đặt ra và giải quyết là:

+ Hệ thống văn bia Hậu tộc khu vực Bắc bộ hiện được lưu trữ ở các kho lưu trữ quốc gia và ở các dòng họ đã được nghiên cứu như thế nào?

+ Tình hình của hệ thống thác bản văn bia Hậu tộc đó hiện ra sao, chúng có những đặc điểm gì về mặt văn bản, văn tự, ngữ văn?

+ Tục bầu, gửi, mua Hậu tộc của người Việt đã diễn ra như thế nào?

+ Các văn bia Hậu tộc đó cung cấp những thông tin gì về đời sống kinh tế và văn hóa trong gia tộc của người Việt? Khả năng sử dụng các tư liệu và các thông tin đó phục vụ nghiên cứu lịch sử kinh tế, văn hóa ra sao?

2.2. Về đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng: văn bia Hậu tộc, phong tục bầu Hậu và tín ngưỡng thờ Hậu trong gia tộc người Việt khu vực Bắc Bộ (Việt Nam), và một vài vấn đề cơ bản của đời sống gia tộc người Việt.

- Phạm vi: Về tư liệu, đề tài nghiên cứu các thác bản văn bia Hậu tộc khu vực Bắc bộ hiện được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm được tác giả luận án tìm thấy tính đến thời điểm hiện tại. Trong nội dung luận án, có chỗ dùng cụm từ đầy đủ là “thác bản văn bia” nhưng cũng có chỗ dùng từ vắn tắt là “văn bia”, cả hai trường hợp sử dụng từ ngữ này đều chỉ đề cập đến các thác bản văn bia đang được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, dù trong quá trình thực hiện luận án tác giả luận án có đi đến thực địa và đối chiếu thác bản văn bia với bia trên thực địa.

Từ phạm vi tư liệu như trên, giới hạn thời gian và không gian của nghiên cứu được xác định như sau: Về thời gian, đề tài nghiên cứu văn bia Hậu tộc cũng như phong tục bầu Hậu tộc và tín ngưỡng thờ Hậu tộc của người Việt từ cuối thế kỉ XVII đến giữa thế kỉ XX. Về không gian, đề tài nghiên cứu loại hình văn bia Hậu tộc, phong tục bầu Hậu tộc và tín ngưỡng thờ Hậu tộc của người Việt khu vực Bắc Bộ (Việt Nam).

3. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sẽ áp dụng phương pháp Bi kí học, Văn bản học, Ngữ văn học, đồng thời còn sử dụng phương pháp nghiên cứu Liên ngành và các thao tác nghiên cứu khoa học nói chung gồm thống kê, lập bảng biểu và phân tích bảng biểu, so sánh số liệu,....

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

- Cung cấp một bức tranh toàn cảnh về hoạt động bầu và thờ Hậu tộc của người Việt với những đặc điểm được rút ra sau quá trình xử lý tư liệu gốc là hệ thống văn bia Hậu tộc của các dòng họ khu vực Bắc Bộ đang có thác bản tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

- Kết quả thống kê, xử lý và giới thiệu những tư liệu văn bia Hậu tộc này đã cung cấp hệ thống sử liệu gốc cho các nghiên cứu văn hóa gia tộc, văn hóa làng xã cũng như nghiên cứu lịch sử địa phương sau này. Hơn nữa, từ tư liệu gốc và bằng tư liệu gốc, các nhận xét và kiến nghị của luận án có căn cứ và sát thực tế.

- Cũng từ việc xử lý trực tiếp tư liệu gốc mà các sinh hoạt văn hóa trong gia tộc được phục dựng ở đây có thể khác với nhiều nghiên cứu đi trước và đem lại ngạc nhiên cho nhiều độc giả.

5. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, phần Nội dung của luận án gồm có 04 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và định hướng nghiên cứu văn bia Hậu tộc.

Chương 2: Hiện trạng và đặc điểm của tư liệu văn bia Hậu tộc tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Chương 3: Hoạt động thờ Hậu của người Việt trong quá khứ qua văn bia Hậu tộc.

Chương 4: Đời sống gia tộc của người Việt thể hiện trong văn bia Hậu tộc.

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Các khái niệm liên quan

1.1.1. Khái niệm văn bia:

Văn bia, bi kí hay bi văn là văn bản được khắc trên bia, loại hình văn bản này xuất hiện khá sớm ở nhiều vùng lãnh thổ mà tập trung nhất là ở Trung Quốc, Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản. Văn tự ghi trên bia là văn tự của cộng đồng tạo tác bia đó. Những văn bản được khắc trên bia không chỉ có tính chất văn học mà còn có thể là những sử liệu quý với độ chính xác cao về thời gian của sự kiện, cũng có thể là những tư liệu quý của các ngành nghiên cứu khác triết học, dân tộc học, kinh tế học, xã hội học,...

1.1.2. Hậu tộc, bầu Hậu, phong tục bầu Hậu và tín ngưỡng thờ Hậu

Hậu tộc là những những người được gia tộc thờ cúng do bản thân họ hoặc thân nhân của họ đã có công lao hoặc có đóng góp tài sản cho gia tộc. Họ có thể là thành viên của dòng họ hoặc cũng có thể không phải là thành viên của dòng họ, có thể còn sống hoặc cũng có thể đã qua đời.

Bầu Hậu là hành động của tập thể thuận tình suy tôn một người hoặc một nhóm người làm Hậu. Trong tư liệu văn bia Hậu tộc có ghi nhận hành động bầu (保) Hậu tộc, gửi (寄) Hậu tộc, bán (賣) Hậu tộc và mua (買) Hậu. Khi cần dùng một từ để thể hiện việc tập thể suy tôn một người làm Hậu, tác giả luận án dùng từ “bầu Hậu”.

Phong tục bầu Hậu và tín ngưỡng thờ Hậu: Các nghiên cứu đi trước thường hay dùng từ “phong tục” để nói về hoạt động bầu Hậu và thờ Hậu. Gần đây có một số công bố lại dùng từ “tín ngưỡng” để nói đến hoạt động thờ Hậu. Tác giả luận án cho rằng cả hai cách dùng từ này đều không sai, bởi một bên muốn nhấn mạnh hoạt động văn hóa bầu Hậu, còn một bên muốn lưu ý tới niềm tin và tính linh thiêng của việc việc thờ Hậu. Vì vậy ở luận án này, tác giả luận án sẽ dùng cả hai cụm từ “phong tục bầu Hậu” và “tín ngưỡng thờ Hậu”.

1.1.2. Khái niệm văn bia cung tiến

Văn bia cung tiến là văn bia có nội dung ghi chép lại việc dâng tiến đồ vật lên thánh thần hoặc vua chúa.

1.1.3. Khái niệm văn bia Hậu

Là những văn bia ghi việc cung tiến và báo đáp trong các tổ chức tôn giáo – tín ngưỡng và xã hội ở làng xã của người Việt như xã, thôn, làng, xóm, dòng họ, hội Tư văn, giáp,... Các văn bia này thường có kết cấu gồm bảy phần chính ghi chép cụ thể tên bia, địa danh, đoạn kí mở đầu, nội dung chính (lí do cung tiến, nhân thân người cung tiến, số tài sản được đem cung tiến, thái độ của tổ chức tiếp nhận tài sản cung tiến, danh vị và quyền lợi danh cho người cung tiến,...), bài minh, niên đại, người tạo tác.

1.1.4. Khái niệm văn bia Hậu tộc

Là những văn bia ghi nội dung cung tiến và báo đáp trong các dòng họ người Việt.

1.2. Lịch sử nghiên cứu tín ngưỡng thờ Hậu, văn bia Hậu tộc và văn hóa bầu Hậu tộc

1.2.1. Lịch sử nghiên cứu phong tục bầu Hậu và bia Hậu nói chung

Cuối thế kỉ XX (1987) bài viết đầu tiên lấy bia Hậu làm đối tượng khảo cứu đã ra đời. Kể từ đó, các thảo luận về văn bia Hậu xuất hiện rải rác. Những bài viết này chủ yếu thảo luận những vấn đề chung của nhiều loại hình bia Hậu chứ chưa tập trung khảo cứu riêng từng loại hình.

Từ đây, các bài viết và công trình nghiên cứu về văn bia Hậu hoặc lấy văn bia Hậu làm phạm vi tư liệu đã liên tục ra đời. Tuy vậy, Hậu tộc và văn bia Hậu tộc mới chỉ được nhắc đến như một vài hiện tượng nhỏ lẻ, chưa được quan tâm nghiên cứu riêng biệt.

1.2.2. Lịch sử nghiên cứu hoạt động bầu Hậu và văn bia Hậu tộc

Về văn hóa thờ Hậu tộc từ các tư liệu ngoài văn bia Hậu tộc: Năm 2019 có bài “Hoạt động gửi giỗ trong dòng họ: Khảo sát qua tư liệu tộc ước” của Mai Thu Quỳnh (tức tác giả luận án). Bài viết này dùng loại tư liệu tộc ước để khảo cứu hoạt động gửi và thờ Hậu tộc.

Về văn bia Hậu tộc: Năm 2021 có bài *Tổng quan tư liệu văn bia Hậu tộc, gửi gĩa thành phố Hà Nội* của Mai Thu Quỳnh giới thiệu danh mục 58 văn bia Hậu tộc của Hà Nội và khảo cứu một số đặc điểm của khối tư liệu này. Tác giả Mai Thu Quỳnh còn viết một bài giới thiệu khái niệm văn bia Hậu tộc và đặc điểm phân bố của văn bia Hậu tộc Việt Nam hiện có ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Bài viết này chưa đề cập đến các giá trị nội dung của văn bia Hậu tộc. Còn bài “*Huệ nghĩa điền/Bản tộc kí/Nam giáp kí*”: *Văn bia bầu Hậu tộc sớm nhất ở Hải Dương thế kỉ XVII* giới thiệu văn bản và giá trị của văn bia Hậu tộc cổ nhất được tìm thấy tính đến thời điểm hiện tại, *The customs of establishing Hậu tộc in Việt Nam: From the survey of Hậu tộc epitaphs* khảo cứu lịch sử hình thành và phát triển của văn bia Hậu tộc cũng như một số đặc điểm của lực lượng tham gia hoạt động bầu và thờ Hậu tộc, *The Hậu tộc election culture of the Vietnamese people: the Process and the titles* giới thiệu diễn biến và các lí do bầu Hậu tộc.

Còn các nghiên cứu vấn đề khác có sử dụng tư liệu văn bia Hậu tộc hiện chưa xuất hiện.

1.3. Định hướng nghiên cứu của đề tài

- Sử dụng phương pháp Bi kí học, Ngữ văn học kết hợp với các thao tác thống kê, so sánh, phân tích, tổng kết, mô tả văn hóa, suy luận lịch sử,... để nghiên cứu văn bia Hậu tộc Việt Nam mà trọng tâm là khu vực Bắc Bộ, nhằm đóng góp cho học giới trong sự nghiệp nghiên cứu văn hóa Việt, góp phần định hướng các hoạt động văn hóa của xã hội hiện tại và tương lai.

Chương 2. HIỆN TRẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TƯ LIỆU VĂN BIA HẬU TỘC TẠI VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

2.1. Tình hình thác bản văn bia Hậu tộc hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Trong số 173 văn bia Hậu tộc khu vực Bắc Bộ, Viện Viễn đông Bác cổ (EFEO) sưu tầm được 29 văn bia, Viện Nghiên cứu Hán Nôm sưu tầm được 145 văn bia trong đó có 01 văn bia trùng với văn bia EFEO đã sưu tầm. Số

thác bản văn bia do EFEO sưu tầm nằm ở bốn địa phương, trong đó Vĩnh Phúc có số lượng nhiều nhất, rồi đến Hà Nội, còn Hải Dương đứng sau cùng. Còn 145 thác bản văn bia do Viện Nghiên cứu Hán Nôm sưu tầm ghi địa điểm ở tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nam, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thái Bình.

Về khả năng đọc chữ từ thác bản, tác giả luận án thấy ngoài 154 thác bản rõ chữ, có 17 thác bản rất khó đọc và 02 thác bản văn bia rách nát. Tình trạng khó đọc này có thể do nét khắc trên đá quá nông và mảnh khiến bản in rập bị mờ như thác bản *Hậu kị bi* (后忌碑) No.52176; hoặc do nét khắc trên đá lâu ngày đã mờ khiến độ đậm của chữ trên thác bản không đều, đặc biệt phần chính giữa thác bản hầu như không thấy hình chữ như thác bản *Tộc Hậu bi kí* (族后碑記) No.55486; hoặc do mặt đá bị vỡ và bị cạo mất chữ như thác bản *Hậu kí bi kí* (后忌碑記), No.43886-87; hoặc do vết mực như thác bản *Nghiêm Hậu thần bi kí* (嚴後神碑記), No.40235.

Về số mặt thác bản văn bia, 134 văn bia có 01 mặt chữ, 31 văn bia có 02 mặt chữ, 03 văn bia có 03 mặt chữ, 06 văn bia có 04 mặt chữ. Tính theo tỉ lệ phần trăm thì văn bia một mặt chiếm $134/174 \sim 77\%$, văn bia hai mặt chiếm $31/174 \sim 17,8\%$, văn bia ba mặt chiếm $03/174 \sim 1,7\%$, văn bia bốn mặt chiếm $06/174 \sim 3,4\%$.

2.2. Tình hình phân bố của văn bia Hậu tộc:

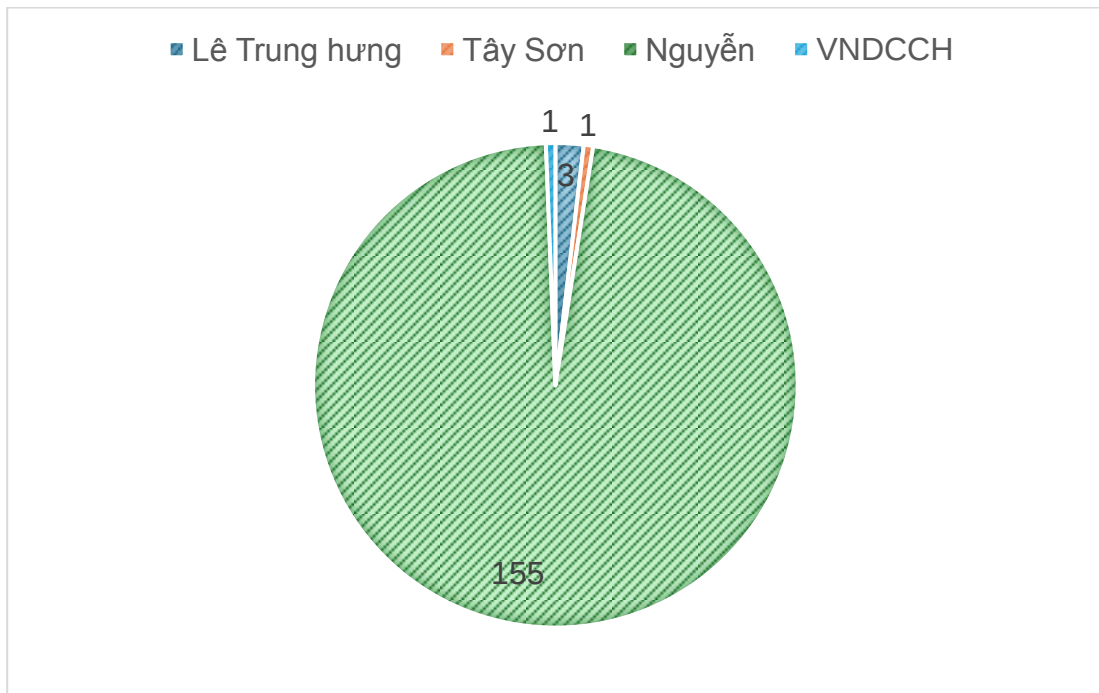
2.3.1. Phân bố trong không gian

Về loại hình di tích: Văn bia Hậu tộc nằm ở từ đường dòng họ chiếm số lượng áp đảo. Nếu tính theo tỉ lệ phần trăm chúng ta có $04/173 (\sim 2,31\%)$ bia Hậu tộc nằm ở chùa, $01/173 (\sim 0,57\%)$ bia Hậu tộc nằm ở đền, $02/173 (\sim 1,15\%)$ bia Hậu tộc nằm ở đình, $02/173 (\sim 1,15\%)$ bia Hậu tộc nằm ở nhà riêng, $02/173 (\sim 1,15\%)$ bia Hậu tộc ở đàn thờ, $159/173 (\sim 91,90\%)$ bia Hậu tộc nằm ở từ đường (nhà thờ dòng họ). Như vậy, bia Hậu tộc chủ yếu được đặt ở loại hình di tích từ đường (nhà thờ dòng họ), ngoài ra có thể được đặt ở đàn thờ của dòng họ hoặc nhà riêng của người trong họ.

Về địa danh hành chính: Các địa phương có số bia Hậu tộc xếp theo thứ tự giảm dần gồm Hà Nội, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Nam Định, Bắc Giang, Thái Bình, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Nam, Ninh Bình. Còn xét ở cấp độ hàng huyện/quận, các địa phương có bia Hậu tộc xếp theo thứ tự giảm dần của số lượng bia gồm quận Tây Hồ (17), huyện Nam Sách (11), huyện Bình Xuyên (9), huyện Chương Mỹ, huyện Tứ Kỳ, huyện Vĩnh Tường, huyện Hải Hậu, huyện Yên Dũng (7), quận Hà Đông, huyện Cẩm Giàng, huyện Văn Lâm (6), thị xã Quảng Yên, thành phố Hưng Yên, huyện Kiến Xương, huyện Mê Linh (5), quận Cầu Giấy, huyện Thanh Oai, huyện Thanh Trì, huyện Yên Lạc (4), huyện Phúc Thọ, huyện Quốc Oai, huyện Gia Lộc, huyện Chí Linh, huyện Trục Ninh (3), huyện Ba Vì, huyện Thanh Xuân, huyện Thanh Miện, huyện Yên Mỹ, huyện Xuân Trường, huyện Kiến Thụy (2), huyện Đông Anh, huyện Hoài Đức, quận Hoàng Mai, huyện Thường Tín, huyện Kim Thành, huyện Kinh Môn, huyện Thanh Hà, thành phố Hải Dương, huyện Văn Giang, huyện Tiên Lữ, thành phố Bắc Giang, huyện Tiên Hải, huyện Vũ Thư, huyện Kim Bảng, thành phố Phủ Lý, thành phố Ninh Bình, huyện Yên Khánh (1). Việc bia Hậu tộc tập trung ở những vùng đất ven sông hồ của đồng bằng Bắc bộ như thế này là phù hợp với lịch sử định cư của người Việt và mật độ dân cư của vùng này.

2.3.2. Phân bố theo thời gian

Trong 173 văn bia Hậu tộc được khảo sát, có 03 (~1,88%) văn bia được tạo dựng thời Lê Trung hưng, 01 (~0,62%) văn bia được tạo dựng thời Tây Sơn và 155 (~96,88%) văn bia thuộc thời Nguyễn, 01 (~0,62%) văn bia được tạo dựng thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, 13 văn bia còn lại có thể thuộc thời Nguyễn hoặc VNDCCH. Tỷ lệ này có thể được thể hiện bằng biểu đồ sau:



Biểu đồ 2.4: Tương quan số lượng văn bia Hậu tộc giữa các thời đại

Nếu tính theo thế kỉ ta có 01 văn bia thuộc thế kỉ XVII (1686), 03 văn bia thuộc thế kỉ XVIII (1760, 1766, 1797), 51 văn bia thuộc thế kỉ XIX, 99 văn bia thuộc thế kỉ XX, 24 văn bia chưa thể xác định thuộc thế kỉ XIX hay XX (niên đại trong khoảng từ 1800 đến 1945 - thuộc thời Nguyễn).

2.3. Một số đặc điểm của văn bia Hậu tộc

2.2.1. Phân loại bia Hậu tộc

Nếu căn cứ vào số trường hợp bầu Hậu chúng ta sẽ có văn bia Hậu tộc cá nhân và văn bia Hậu tộc tập thể. Nếu căn cứ vào mức độ ghi chép thông tin của mỗi lần bầu Hậu chúng ta sẽ có văn bia Hậu tộc đầy đủ và văn bia Hậu tộc tóm tắt. Trong bốn phân loại này, văn bia Hậu tộc cá nhân thường cũng là văn bia Hậu tộc đầy đủ. Vì vậy, tác giả luận án tạm chia các văn bia Hậu tộc thành 03 loại như sau:

Văn bia Hậu tộc vắn tắt: là những văn bia không có câu chuyện cung tiến và báo đáp mà chỉ ghi thông tin về người gửi giỗ (như tên, ngày giỗ, vị trí và diện tích ruộng cúng, lễ vật được dùng để cúng giỗ), có chữ *Hậu* trong tên bia hoặc danh vị của người, đặt ở từ đường hoặc nhà riêng.

Văn bia Hậu tộc tập thể: là những văn bia ghi một lần bầu Hậu hoặc gửi Hậu có nhiều người tham gia (nên hầu như không ghi thông tin nhân thân

người gửi Hậu, không ghi quy định báo đáp cho riêng từng người mà chỉ có quy định báo đáp chung cho tất cả những người đó).

Văn bia Hậu tộc đầy đủ: là những văn bia ghi cả câu chuyện cung tiến và báo đáp, thông tin về người gửi Hậu cùng người được gửi Hậu, những quyền lợi và nghĩa vụ của người gửi Hậu, người được gửi Hậu và dòng họ nhận cung tiến.

2.2.2. Kích thước bia Hậu tộc

Văn bia Hậu tộc có chiều dọc cao nhất là 140cm, thấp nhất là 35cm; chiều ngang rộng nhất là 85cm, hẹp nhất là 17cm

2.2.3. Hình khối bia Hậu tộc

Đá làm văn bia Hậu tộc đều có hình khối dẹt (với bia một mặt, hai mặt hoặc ba mặt) hoặc khối trụ (với bia bốn mặt), trong đó đa số là bia dẹt với phần đầu cong hình vòm hay cong hình vòng cung, số ít hơn là bia dẹt hình chữ nhật không có phần đầu, và ít nhất là có bia dẹt hình bài vị.

2.2.4. Hoa văn trên bia Hậu tộc

Hoa văn rất phong phú, trong đó phổ biến nhất là hình lưỡng long châu nhật (hoặc tranh châu), dây hoa, song phượng châu mặt trời, mặt trời và mây.

2.2.5. Văn tự và ngôn ngữ được dùng trong văn bia Hậu tộc

Số chữ trong một văn bia Hậu tộc dao động từ 28 chữ đến 2000 chữ. Loại chữ được dùng để viết văn bia Hậu tộc gồm cả chữ Hán, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ. Trong đó chữ Hán là loại văn tự phổ biến và chiếm số lượng áp đảo, trừ văn bia *Trần tộc hậu bi chí* (陳族后碑誌) No.42145 được viết hoàn toàn bằng chữ Nôm và chữ Quốc ngữ. Tự thể được sử dụng trong văn bia Hậu tộc tuyệt đại đa số là Khải thư, trừ một vài văn bia dùng tự thể khác ở phần tên bia. Về chữ hủy, ngoài một số thác bản bia mờ không đọc được hết chữ, còn lại có hai dạng chữ hủy là *căn* (𣎵) (được dùng thay thế chữ thời 時) và chữ *thần* (辰) hoặc *thời* () (được dùng thay thế chữ thời 時). Về ngữ pháp, văn bia ghi bằng chữ Nôm sử dụng ngữ pháp tiếng Việt có xen văn ngôn, còn các văn bia ghi bằng chữ Hán lại chủ yếu sử dụng ngữ pháp Văn ngôn tuy đôi chỗ vẫn xen ngữ pháp tiếng Việt nhưng không rõ rệt.

2.2.6. Kết cấu nội dung văn bia Hậu tộc

Một văn bản bia Hậu tộc đầy đủ thường gồm 07 phần chính: tên bia, địa danh, đoạn kí mở đầu, nội dung chính, bài minh, niên đại, người tạo tác. Cụ thể:

(1) *Tên bia*: có thể có chữ “hậu” (后/後/候) có thể không, đồng thời vì là văn bia nên còn có từ “bi kí” (碑記).

(2) *Địa danh*: địa danh được ghi ở văn bia Hậu tộc thường là địa điểm đặt bia, địa danh là địa danh đương thời.

(3) *Đoạn kí mở đầu*: sẽ là những lời văn khẳng định giá trị của đạo đức, nêu những câu kinh điển bàn về đạo lí.

(4) *Nội dung chính*: thường kể đầy đủ sự việc sự vật như: người nào ở đâu, nhân thân ra sao, đức độ thế nào, đã đóng góp những gì cho cộng đồng làng xã hoặc chùa (số tài sản công đức sẽ được ghi đầy đủ ở đây). Sau khi người đó cống hiến cho cộng đồng, cộng đồng hội họp để ghi nhớ công ơn và quyết định cách thức báo đáp công ơn đó. Sự báo đáp cũng được ghi đầy đủ và cụ thể.

(5) *Bài minh*: có thể có có thể không. Đây là một bài thơ ca ngợi công đức của người cung tiến hoặc ca ngợi cảnh đẹp địa phương sau khi nhận được sự công đức của người cung tiến.

(6) *Niên đại*: thường được ghi bằng niên hiệu vua đương thời hoặc bằng thiên can và địa chi; hoặc có thể bằng cả hai yếu tố là niên hiệu và can chi. Niên đại là thể mạnh độc đáo của tư liệu văn bia.

(7) *Người tạo tác*: gồm người soạn văn, người viết chữ, người khắc đá.

Bên cạnh đó, văn bia Hậu tộc tập thể thường giống văn bia Hậu tộc đầy đủ ở phần thứ nhất và thứ năm, còn phần thứ hai (đoạn kí mở đầu) chỉ ca ngợi công đức tổ tông hoặc nêu vấn tắt lịch sử từ đường hoặc nêu ý nghĩa của việc lập bia báo đáp, chứ không viết tiểu sử hoặc thân nhân các vị Hậu; phần nội dung chính ghi một mức công đức duy nhất của tất cả các vị gửi hậu; phần phụ kí rất ít xuất hiện.

Văn bia Hậu tộc tập thể thường giống văn bia Hậu tộc đầy đủ ở phần thứ nhất và thứ năm, còn phần thứ hai (đoạn kí mở đầu) chỉ ca ngợi công đức tổ tông hoặc nêu vắn tắt lịch sử từ đường hoặc nêu ý nghĩa của việc lập bia báo đáp, chứ không viết tiểu sử hoặc thân nhân các vị Hậu; phần nội dung chính ghi một mức công đức duy nhất của tất cả các vị gửi hậu; phần phụ kí rất ít xuất hiện.

Văn bia Hậu tộc vắn tắt thường chỉ ghi các thông tin cơ bản về các vị Hậu như tên, ngày giỗ, vị trí và diện tích ruộng giỗ, (và có thể có cả) lễ vật cần chuẩn bị trong mỗi lễ giỗ.

2.2.7. Tên gọi của văn bia Hậu tộc

Tên của văn bia Hậu tộc rất phong phú: có thể có chữ *hậu* (后,後,候,厚), có thể có từ *kí kị* (寄忌), có thể không có tên, có thể tên là *[X] tộc bi kí*, *Từ đường bi kí*, thậm chí còn có văn bia mang từ *Hậu thần* (后神) trong tên. Vì đặc điểm này và hơn nữa là vì căn cứ vào khái niệm văn bia Hậu tộc đã trình bày ở chương một, nên chúng tôi không tự giới hạn phạm vi nghiên cứu văn bia Hậu tộc của mình trong những bia có chữ *Hậu* hoặc từ *gửi giỗ* (kí kị: 寄忌) ở tên gọi, mà tiêu chí (1) có đầy đủ thông tin về câu chuyện cung tiến và báo đáp, (2) bên tiếp nhận tài sản cung tiến và tổ chức thờ cúng là dòng họ mới là tiêu chí chúng tôi lựa chọn.

Chương 3. HOẠT ĐỘNG THỜ HẬU CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG QUÁ KHỨ QUA VĂN BIA HẬU TỘC

3.1. Lịch sử hình thành và phát triển tín ngưỡng thờ Hậu tộc

Căn cứ trên các loại hình tư liệu của gia tộc được tác giả luận án sưu tầm và khảo sát tính đến nay trong đó nguồn văn bia Hậu tộc đóng vai trò chính, kết hợp với tư liệu văn bia Tộc ước và tư liệu gia phả, chúng ta có thể tạm thời khẳng định: tín ngưỡng thờ Hậu tộc xuất hiện từ thế kỉ XVII và phát triển nhất vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

3.2. Thành phần, đối tượng tham gia hoạt động thờ Hậu

3.2.1. Người gửi Hậu

Người Việt thường quan tâm gửi Hậu cho thân nhân, đặc biệt là cho bố mẹ, nhiều hơn gửi cho mình hoặc ông/ bà/ cô/ dì/ chú/ bác/ anh/ chị/ em/ cháu. Đại đa số các trường hợp gửi Hậu là cá nhân, số ít hơn các trường hợp gửi Hậu là cặp vợ chồng, ít hơn nữa chính là số trường hợp có bên cung tiến gồm từ ba người trở lên. Người tham gia gửi Hậu phần lớn là phụ nữ. Xét theo tiêu chí tộc người, thành phần dân tộc chủ yếu nhất chính là người Việt. Tuyệt đại đa số trường hợp người xin gửi Hậu là thường dân, quan lại có tham gia nhưng vừa ít vừa là quan lại cấp thấp. Trong quan hệ với dòng họ nhận gửi Hậu, người gửi Hậu đều là thành viên của dòng họ.

3.2.2. Người được gửi Hậu

Hậu tộc không chỉ gồm những người là thành viên của dòng họ mà còn gồm những người là thành viên của dòng họ thông gia, tuy nhiên số người là thành viên trong dòng họ vẫn chiếm số lượng áp đảo. Hậu tộc tuy có một vài người là quan chức của triều đình, một vài người là chức sắc địa phương nhưng chủ yếu là thường dân. Hậu tộc tuyệt đại đa số là người Việt tuy nhiên vẫn có người là người nước ngoài. Về giới tính, số đông Hậu tộc là ?. Nếu có hơn hai vị Hậu trong một trường hợp gửi Hậu thì các vị ấy phần lớn là những người trong một gia đình nhỏ, gia đình hạt nhân. Phần lớn các vị Hậu là cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ chồng/vợ của người gửi Hậu, ngoài ra có một số vị Hậu là chồng hoặc vợ của người gửi Hậu, và số ít hơn các vị Hậu chính là bản thân người gửi Hậu. Số lượng người được gửi Hậu trong mỗi văn bia Hậu tộc phổ biến nhất là 02 người, rồi đến 01 người, 03 người và 04 người.

3.3.3. Dòng họ nhận thờ Hậu

Hoạt động thờ cúng Hậu tộc chủ yếu diễn ra trong phạm vi những dòng họ bình dân. Người gửi Hậu và người được bầu làm Hậu phần lớn đều là dân thường, gồm cả nam và nữ, chủ yếu là người Việt. Họ thường có quan hệ huyết thống hoặc quan hệ hôn nhân với nhau và đều là những người trong một gia đình. Có 128 đơn vị dòng họ có bia Hậu tộc và hoạt động thờ Hậu, có dòng họ thờ rất nhiều Hậu nhưng cũng có dòng họ thờ ít Hậu hơn.

3.3. Trình tự bầu Hậu tộc:

Có 3 kiểu trình tự cơ bản:

Trình tự 1: *Dòng họ đề xướng – người cung tiến hưởng ứng – dòng họ hợp mặt để bầu Hậu – lập văn bản bầu Hậu - người cung tiến tặng thêm tài sản – lập bia ghi việc và ghi quy định.*

Trình tự 2: *Người cung tiến đề nghị - dòng họ chấp nhận – thỏa thuận điều khoản – lập văn bản và khắc bia.*

Trình tự 3: *Dòng họ có việc cần huy động vốn, thành viên công đức, dòng họ cảm ơn bằng cách bầu Hậu và thờ Hậu.*

Trong đó kiểu trình tự phổ biến hơn cả là trình tự 2.

Như vậy, tuy không có văn bia nào nói cụ thể các bước và thời gian của mỗi bước trong quy trình bầu Hậu tộc nhưng chúng ta cũng có thể biết rằng quy trình này có thể theo một trong ba trình tự cơ bản, trong đó trình tự phổ biến hơn cả là trình tự 2: Người cung tiến đề nghị - dòng họ chấp nhận - thỏa thuận điều khoản - lập văn bản và khắc bia.

3.4. Các loại tài sản dùng để gửi Hậu và cách quản lí tài sản đó

Các tài sản được đem cung tiến gồm ruộng, đất, nhà,... Ruộng gồm các loại: ruộng mạ, ruộng tốt, ruộng thường, ruộng vụ thu. Tiền gồm các loại: sử tiền, cổ tiền, thanh tiền, diên tiền, đồng bạc. Nhà gồm nhà tường gạch mái cỏ hoặc mái ngói. Hoàn phi có 01 bức, thóc có 100 đấu.

Ruộng và tiền là hai loại tài sản phổ biến nhất được các dòng họ giữ lại làm tài sản chung của dòng họ và có ghi chép cách quản lí rõ ràng. Các loại tài sản còn lại có xu hướng bị chuyển đổi sang dạng vật chất khác hoặc không được các dòng họ ghi rõ cách quản lí và sử dụng.

Những dòng họ nhận thờ cúng Hậu, nhất là những dòng họ có nhiều văn bia Hậu tộc, đã huy động được số tài sản vật chất lớn với giá trị thực. Còn người cung tiến nhận được lời hứa: dòng họ sẽ thờ cúng Hậu. Vài ba dòng họ hứa thêm là sẽ biếu phần lễ hoặc mừng thọ mừng tết người cung tiến. Như vậy những quyền lợi mà người cung tiến nhận lại được chủ yếu mang giá trị tinh thần. Họ đã bỏ ra nhiều của cải vật chất thực để nhận lại những ưu đãi về mặt tinh thần là chính. Vậy lời hứa ấy có được thực hiện không?

3.5. Các danh vị và quyền lợi của Hậu tộc

3.5.1. Các danh vị Hậu tộc

Có 19 danh vị khác nhau được dùng để gọi các vị Hậu tộc. Trong đó danh vị được dùng chủ yếu là *Hậu* (后/後/候/厚), *Hậu tổ* (后/後/候/厚祖), *Hậu tộc* (后族), tuy nhiên vẫn có lúc có nơi được gọi bằng danh vị *Hậu thần* (后神), *Hậu hiền* (后賢).

3.5.2. Các quyền lợi của Hậu tộc và yếu tố chi phối những quyền lợi đó:

3.5.2.1. Các quyền lợi của Hậu tộc

Các quyền lợi của Hậu tộc thường được nhắc đến gồm: chúc tết, mừng thọ, biếu phần khi còn sống, điều phúng trong đám tang, phối hưởng tổ tiên, làm giỗ khi đã qua đời,...

3.5.2.2. Các yếu tố chi phối những quyền lợi

Những quyền lợi này là do hai bên (người cung tiến và dòng họ) tự thỏa thuận trong từng trường hợp, khi dòng họ cần huy động vốn thì có thể dành cho Hậu tộc nhiều quyền lợi hơn.

3.6. Hiệu lực của các cam kết thờ cúng hay thời gian duy trì hoạt động thờ Hậu tộc

Phần lớn các dòng họ đều cam kết duy trì lâu dài quyền lợi của Hậu, tuy nhiên trên thực tế đã có những trường hợp không giữ lời hứa, quyền lợi của Hậu tộc bị lãng quên. Có hiện tượng bán suất Hậu, có hiện tượng cào xóa phần nội dung văn bia ghi quy định về lễ vật giỗ Hậu và tên Hậu. Như vậy, hiện tượng không giữ lời cam kết đã xuất hiện.

Chương 4. ĐỜI SỐNG GIA TỘC CỦA NGƯỜI VIỆT THỂ HIỆN TRONG VĂN BIA HẬU TỘC

4.1. Hoạt động thờ cúng và tế tự

4.1.1. Các loại lễ được tổ chức trong dòng họ

14 dịp lễ có thờ cúng của dòng họ người Việt gồm: giỗ tổ tiên, tết Nguyên đán, ngày Lập xuân, ngày Đình đầu tiên của tháng 02 (tết Xuân), ngày Thanh minh, ngày Lập hạ, ngày Đoan ngo, ngày Rằm tháng 7, ngày

Trung thu, ngày Đinh đầu tiên của tháng 8 (tế Thu), ngày nào đó của tháng 10 (lễ Thường tân), ngày Đông chí, ngày 02 tháng 12 (tế Chạp), ngày Trừ tịch.

4.1.2. Những đối tượng được thờ cúng trong dòng họ

Đối tượng được dòng họ thờ cúng chính là chư vị tổ tiên của dòng họ, Tiên sư và Táo quân. Bên cạnh đó, trong khuôn viên từ đường dòng họ hoặc khuôn viên nhà ở của Tộc trưởng còn có thể thờ đối tượng đặc biệt là các vị Hậu tộc.

4.1.3. Lễ vật dùng trong tế tự và trình tự thực hiện nghi thức

Lễ vật chủ yếu đều là rượu, thịt, cơm, xôi, trầu cau, vàng mã. Việc sử dụng những phẩm vật này liên quan đến những gợi ý trong các sách hướng dẫn thực hành gia lễ của người Việt, đồng thời cũng do đặc điểm nông sản có thể thu hoạch ở vùng đồng bằng sông Hồng.

4.1.4. Thành phần tham gia, vai trò và vị trí của mỗi người

Gồm mọi người trong họ, trong đó người phụ trách lễ nghi tế tự là Tộc trưởng, người phụ trách mua sắm lễ vật là Câu đương, người phụ trách trông coi lễ vật là Giám thủ từ đường. Ngoài ra còn có thể có các chức danh như Thư kí, Trương mai, Đương cai,... Nhiệm vụ và vai trò của những người này cũng như của Câu đương và Giám thủ từ đường: có thể linh hoạt tùy theo quy định của từng dòng họ hoặc từng thời điểm.

4.2. Lịch sử, kiến trúc của từ đường dòng họ

4.2.1. Lịch sử xây sửa từ đường

Từ đường dòng họ đã xuất hiện trong những gia tộc quyền quý ở vùng kinh đô từ thời Lê Trung Hưng, rồi sau đó lan ra các dòng họ bình dân ở các vùng thôn quê trong suốt thời nhà Nguyễn.

4.2.2. Quy mô, kiến trúc, bài trí trong từ đường

Theo kết quả khảo sát từ văn bia Hậu tộc và các từ liệu gia tộc khác, từ đường dòng họ của người Việt thường có quy mô gồm hai gian, ba gian hoặc năm gian, tổ chức mặt bằng theo lối chữ Nhất, chữ Nhị, chữ Công, chữ Đinh. Phổ biến là kiểu nhà bố trí mặt bằng theo lối chữ Nhất.

4.2.3. Ban thờ Hậu và bia Hậu trong từ đường

Số văn bia Hậu tộc nhắc đến ban thờ Hậu tộc ở trong từ đường gồm 34 văn bia. Ngoài ra còn có 12 văn bia ghi rằng sẽ làm lễ giỗ Hậu tộc ở vị trí đặt bia Hậu trong không gian từ đường. Con số này so với tổng số văn bia Hậu tộc đang được khảo sát thì không nhiều, nhưng điều quy định thờ cúng Hậu tộc trong từ đường hoàn toàn có thể giúp ta suy luận đến việc có bát hương thờ Hậu đặt trong không gian từ đường.

Có 18 văn bia đề cập việc đặt bia Hậu tộc trong không gian từ đường. Vị trí cụ thể của bia Hậu tộc thường là hai bên phải hoặc trái của từ đường. Khi làm lễ giỗ Hậu, nhiều dòng họ sẽ tiến hành lễ giỗ ngay trước bia. Khi đó bia Hậu trở thành vật thiêng và không gian quanh bia Hậu trở thành không gian thiêng.

4.3. Vai trò của ông Tộc trưởng trong hoạt động bầu và thờ Hậu tộc

4.3.1. Trong việc quản lí tài sản cung tiến

Tộc trưởng chỉ có quyền canh tác mà không có quyền chuyển nhượng hay định đoạt đối với diện tích ruộng ấy.

4.3.2. Trong việc thờ cúng Hậu

Có thể Tộc trưởng phải chuẩn bị một phần lễ vật giỗ Hậu và lễ vật cúng ở từ đường dịp tết Nguyên đán do đã được nhận canh tác một phần ruộng Hậu. Tộc trưởng cũng có thể được đảm nhận vai trò quan trọng nhất là Chủ tế trong nghi lễ tế Hậu. Ngoài ra nhà riêng của Tộc trưởng còn có thể là địa điểm dựng bia Hậu tộc đồng thời là địa điểm tổ chức lễ giỗ Hậu tộc.

4.3.3. Trong việc gửi Hậu

Nếu muốn được dòng họ làm giỗ hằng năm, vợ chồng người Tộc trưởng cũng cần cung tiến tài sản cho dòng họ để làm Hậu tộc. Đồng thời dòng họ cũng sẵn sàng nhận bầu Tộc trưởng làm Hậu tộc.

4.3.4. Trong việc đứng tên chứng kiến việc gửi Hậu và lập bia Hậu

Tộc trưởng có thể là một trong những người đứng ra lập bia Hậu tộc hoặc là một trong những người chứng kiến và kí tên trong danh sách người dựng bia.

KẾT LUẬN

1. Về lịch sử nghiên cứu và định hướng nghiên cứu văn bia Hậu tộc

Tục bầu Hậu và thờ Hậu trong xã hội Việt Nam đã trải qua quá trình manh nha khá dài rồi ra đời khoảng thời Lí – Trần. Đến thời Hậu Lê (thế kỉ XV) hoạt động này đã được luật hóa trong văn bản nhà nước và tiếp tục phát triển nở rộ trong khoảng thế kỉ XVII – XVIII. Sang thế kỉ XIX, hoạt động bầu và thờ Hậu được phổ thông hóa, bình dân hóa rồi bị thu hẹp từ giữa thế kỉ XX. Còn dòng mạch giới thiệu, nghiên cứu và thảo luận về tục thờ Hậu chỉ được biết đến từ đầu thế kỉ XX. Ban đầu đó mới chỉ là vài dòng giới thiệu về tục thờ Hậu trong một số cuốn sách giới thiệu tục. Từ cuối những năm 1980 tục bầu Hậu và thờ Hậu mới được các học giả quan tâm nghiên cứu và thảo luận. Khi đó, các tác giả tập trung thảo luận những vấn đề chung của tục bầu Hậu như thời điểm ra đời và phân loại Hậu (chủ yếu là Hậu thần, Hậu Phật, Hậu Hiền). Từ đầu thế kỉ XXI, cùng với sự phổ biến của phương pháp nghiên cứu Bi kí học và Văn bản học trong giới nghiên cứu minh văn, vấn đề bia Hậu được nghiên cứu theo hướng khảo cứu bia Hậu của một thời kì lịch sử hoặc một không gian địa phương, rồi dần dần tiến tới nghiên cứu bia Hậu theo thể loại vào mười năm sau đó. Các thể loại bia Hậu được quan tâm thảo luận mới chỉ gồm Hậu thần, Hậu Phật và Hậu Hiền. Còn hiện tượng Hậu tộc (Hậu của dòng họ) và văn bia Hậu tộc mới chỉ được nhắc đến như một vài hiện tượng nhỏ lẻ, chưa được quan tâm nghiên cứu riêng biệt. Nhận thấy tình hình đó, Tác giả luận án đã đăng kí thực hiện luận án về Hậu tộc Việt Nam. Để đáp ứng yêu cầu của luận án, trong mấy năm vừa qua Tác giả luận án đã bước đầu công bố 05 bài viết liên quan. Tác giả luận án xác định phương hướng triển khai của mình là nghiên cứu tục bầu và thờ Hậu tộc từ những văn bia Hậu tộc đang có thạc bản ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, đồng thời cung cấp thông tin về một số vấn đề của văn hóa gia tộc.

2. Về hiện trạng và đặc điểm của tư liệu văn bia Hậu tộc

Hiện trạng và đặc điểm của khối thạc bản văn bia Hậu tộc hiện có ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm: Trong kho thạc bản văn bia của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 178 thạc bản bia Hậu tộc cũng như các thạc bản bia gia tộc chưa có

phông riêng nên đang nằm lẫn trong hơn năm vạn thác bản văn bia được sưu tầm từ đầu thế kỉ XX đến nay. Trong đó, 31 thác bản do EFEO sưu tầm và 147 thác bản do Viện Nghiên cứu Hán Nôm sưu tầm. Về khả năng đọc chữ từ thác bản, có 149 thác bản rõ chữ và 26 thác bản mờ chữ rất khó đọc. Các thác bản bị mờ chữ này do năm nguyên nhân khác nhau. Có 02 thác bản bị rách nát và 05 thác bản bị in rập thiếu. Các văn bia Hậu tộc phần lớn là bia một mặt, số ít hơn là bia hai mặt, sau đó là số bia bốn mặt rồi mới đến số bia ba mặt.

Đặc điểm của tư liệu văn bia Hậu tộc: Có ba phân loại bia Hậu tộc là bia Hậu tộc vắn tắt, bia Hậu tộc tập thể và bia Hậu tộc đầy đủ. Kích thước của văn bia Hậu tộc rất đa dạng, văn bia có chiều dọc cao nhất là 140cm, thấp nhất là 35cm; chiều ngang rộng nhất là 85cm, hẹp nhất là 17cm. Tổng số chữ trong mỗi văn bia dao động từ 28 chữ đến 2000 chữ. Hình khối của văn bia Hậu tộc chủ yếu là khối dẹt (bia một mặt và hai mặt) và khối trụ (bia ba mặt và bốn mặt), trong đó đa số là bia dẹt với phần đầu cong hình vòm hay cong hình vòng cung, số ít hơn là bia dẹt hình chữ nhật không có phần đầu, và ít nhất là có bia dẹt hình bài vị. Không có bia nào tạc tượng Hậu. Hoa văn của văn bia Hậu tộc phần lớn là hình lưỡng long tranh châu (hoặc châu nhật) ở trán bia và dây leo hoặc hoa sen hoặc hoa cúc ở diềm bia. Ngôn ngữ dùng trong văn bia Hậu tộc chủ yếu là chữ Hán, ngoài ra có thêm chữ Nôm và chữ Quốc ngữ. Tự thể của chữ Hán và chữ Nôm ở đây chủ yếu là Khải thư, kiểu chữ Quốc ngữ ở đây là chữ viết thường. Chữ húy xuất hiện trong văn bia Hậu tộc là những chữ húy thời Nguyễn. Ngữ pháp của văn bia Hậu tộc phần lớn là Văn ngôn và có xen ngữ pháp tiếng Việt. Phong cách ngôn ngữ và văn chương của bia Hậu tộc mang đặc điểm của văn bản giao kèo là chính, ngoài ra cũng có văn bia mang phong cách kí sự kĩ công. Tên gọi của văn bia Hậu tộc rất đa dạng, văn bia Hậu tộc không nhất định phải có chữ *Hậu* (后,後,候,厚) hoặc từ *gửi giỗ* (kí kị: 寄忌) ở tên.

Phân bố của văn bia Hậu tộc: Bia Hậu tộc chủ yếu được đặt ở loại hình di tích từ đường (nhà thờ dòng họ), ngoài ra có thể được đặt ở đàn thờ của dòng họ hoặc nhà riêng của người trong họ. Rất ít bia Hậu tộc nằm ở chùa,

đình, đền. Các địa phương có bia Hậu tộc xếp theo thứ tự giảm dần của số lượng bia gồm Hà Nội, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Nam Định, Bắc Giang, Thái Bình, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Nam, Ninh Bình. Niên đại sớm nhất của bia Hậu tộc được tìm thấy tính đến nay là 1686. Niên đại thời Nguyễn chiếm số lượng áp đảo, ngoài ra còn có một hoặc vài thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

3. Về phong tục bầu Hậu và tín ngưỡng thờ Hậu của người Việt

Về lịch sử hình thành và phát triển: Tín ngưỡng thờ Hậu tộc xuất hiện từ thế kỉ XVII và phát triển nhất vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

Về cách thức bầu Hậu tộc, thường theo 3 motip cơ bản: motip thứ nhất là *Dòng họ đề xướng – người cung tiến hưởng ứng – dòng họ hợp mặt để bầu Hậu – lập văn bản bầu Hậu - người cung tiến tặng thêm tài sản – lập bia ghi việc và ghi quy định*, motip thứ hai là *Người cung tiến đề nghị - dòng họ chấp nhận – thỏa thuận điều khoản – lập văn bản và khắc bia*, motip thứ ba là *Dòng họ có việc cần huy động vốn, thành viên công đức, dòng họ cảm ơn bằng cách bầu Hậu và thờ Hậu*.

Về các danh vị của Hậu tộc, Hậu tộc được gọi chủ yếu bằng danh vị *Hậu* (后/後/候/厚), *Hậu tổ* (后/後/候/厚祖), *Hậu tộc* (后族), tuy nhiên vẫn có lúc có nơi được gọi bằng danh vị *Hậu thần* (后神), *Hậu hiền* (后賢) hoặc thậm chí là không có danh vị riêng.

Về quyền lợi của Hậu tộc, các quyền lợi của Hậu tộc thường được nhắc đến gồm: chúc tết, mừng thọ, biếu phần khi còn sống, điều phúng trong đám tang, phối hưởng tổ tiên, làm giỗ khi đã qua đời. Những quyền lợi này không bị chi phối và quyết định bởi danh vị Hậu hay số tài sản đã đem cung tiến, mà do người cung tiến và dòng họ tự thỏa thuận trong từng trường hợp bầu Hậu. Ở thời điểm nào dòng họ cần huy động vốn thì quyền lợi của Hậu tộc có thể được nhiều hơn.

Về thành phần và đối tượng tham gia hoạt động thờ Hậu tộc, mỗi trường hợp bầu Hậu thường có ba bên là người gửi Hậu, người được gửi Hậu,

dòng họ tiếp nhận tài sản cung tiến và duy trì quyền lợi đã cam kết với người gửi Hậu.

Người gửi Hậu tộc phần lớn là cá nhân, có một số ít trường hợp là cặp vợ chồng và ít hơn nữa là nhóm từ ba người trở lên. Những người này phần lớn là phụ nữ, tuyệt đại đa số là người Kinh dù có vài trường hợp là người Hoa hoặc người Chăm đã Việt hóa. Tuyệt đại đa số người gửi Hậu tộc là thường dân, quan lại có tham gia nhưng vừa ít vừa là quan lại cấp thấp. Người gửi Hậu thường là con của người được gửi Hậu, ngoài ra cũng có một số trường hợp người gửi Hậu là cháu của người được gửi Hậu, hoặc người gửi Hậu chính là bản thân người được gửi Hậu. Trong quan hệ với dòng họ tiếp nhận cung tiến, người gửi Hậu thường là con gái, rồi đến con dâu, tiếp theo là con trai, ít nữa con rể hoặc cháu ngoại của dòng họ. Như vậy đối tượng tham gia cung tiến và xin gửi Hậu trong các dòng họ khá đa dạng phong phú. Tuy nhiên dù phong phú như thế mà vẫn không có trường hợp nào là con nuôi cung tiến. Các quan hệ huyết thống đóng vai trò chính trong các trường hợp cung tiến gửi Hậu.

Người được gửi Hậu chủ yếu là những thường dân, ngoài ra cũng có ít trường hợp là quan chức của triều đình hoặc chức sắc của địa phương. Hậu tộc tuyệt đại đa số là người Việt tuy nhiên vẫn có người là người nước ngoài. Về giới tính, số đông Hậu tộc là ?. Nếu có hơn hai vị Hậu trong một trường hợp gửi Hậu (một trường hợp gửi Hậu có thể được cung tiến hơn một lần) thì các vị ấy phần lớn là những người trong một gia đình nhỏ, gia đình hạt nhân. Số lượng người được gửi Hậu trong mỗi văn bia Hậu tộc phổ biến nhất là 02 người, rồi đến 01 người, 03 người và 04 người. Phần lớn các vị Hậu là cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ chồng/vợ của người gửi Hậu, ngoài ra có một số vị Hậu là chồng hoặc vợ của người cung tiến, và số ít hơn các vị Hậu chính là bản thân người gửi Hậu. Hậu tộc không chỉ gồm những người là thành viên của dòng họ mà còn gồm những người là thành viên của dòng họ thông gia, tuy nhiên số người là thành viên trong dòng họ vẫn chiếm số lượng áp đảo.

Dòng họ nhận bầu và thờ Hậu tộc phần lớn là những dòng họ bình dân. Có 128 đơn vị dòng họ có bia Hậu tộc và hoạt động thờ Hậu, có dòng họ thờ rất nhiều Hậu nhưng cũng có dòng họ thờ ít Hậu hơn.

Về các loại tài sản được dùng để gửi Hậu, đa số các trường hợp gửi Hậu gửi giỗ đều cung tiền ruộng và tiền, số ít hơn sẽ chỉ cung tiền ruộng hoặc chỉ cung tiền tiền. Trong đó ruộng được chia thành nhiều loại dựa trên công năng sử dụng, chất lượng canh tác hoặc thời điểm canh tác. Tiền cũng gồm nhiều loại đã từng được lưu thông ở nhiều thời điểm lịch sử và nhiều không gian địa phương khác nhau. Ngoài ruộng và tiền thì nhà, đất, từ đường, thóc, hoành phi cũng là những tài sản được đem cung tiền cho dòng họ để gửi Hậu tộc. Những dòng họ nhận thờ cúng Hậu, nhất là những dòng họ có nhiều văn bia Hậu tộc, đã huy động được số tài sản vật chất lớn với giá trị thực. Còn người cung tiền nhận được những quyền lợi chủ yếu mang giá trị tinh thần.

Về hiệu lực của các cam kết hay thời gian duy trì nghĩa vụ thờ Hậu tộc, thực tế đã chứng minh có nhiều trường hợp dòng họ không giữ được cam kết.

4. Về đời sống gia tộc thể hiện qua văn bia Hậu tộc

Về hoạt động tế tự trong dòng họ: Có 14 dịp hành lễ trong dòng họ với quy mô lớn nhỏ (chính phụ) khác nhau, trong đó lễ lớn hay lễ chính gồm giỗ tổ tiên, tế Xuân, tế Thu, tế Chạp, lễ nhỏ hay lễ phụ gồm tết Nguyên đán, ngày Lập xuân, ngày Thanh minh, ngày Lập hạ, ngày Đoan ngo, ngày Rằm tháng 7, ngày Trung thu, ngày lễ Thường tân, ngày Đông chí, ngày Trừ tịch. Những đối tượng được thờ cúng trong tất cả các dịp lễ tiết này là chư vị tổ tiên của dòng họ, Tiên sư, Táo quân và có thể có thêm Hậu tộc. Lễ vật được dùng trong các dịp này liên quan đến những gợi ý trong các sách hướng dẫn thực hành gia lễ của người Việt, đồng thời cũng do đặc điểm nông sản có thể thu hoạch ở vùng đồng bằng sông Hồng. Bên cạnh những lễ vật phổ biến này còn có một số lễ vật đặc trưng của vùng miền hoặc của thời kì lịch sử. Việc khảo sát thời điểm xuất hiện của những lễ vật này có thể mang lại cho chúng ta những hiểu biết thú vị về lịch sử lễ vật và lịch sử ẩm thực của người Việt. Thành phần tham gia hành lễ trong dòng họ gồm mọi người trong họ, trong đó người phụ trách lễ nghi tế tự là Tộc trưởng, người phụ trách mua sắm lễ

vật là Câu đương, người phụ trách trông coi lễ vật là Giám thủ từ đường. Ngoài ra còn có thể có các chức danh như Thư kí, Trương mai, Đương cai,... Nhiệm vụ và vai trò của những người này có thể linh hoạt tùy theo quy định của từng dòng họ hoặc từng thời điểm. Các đặc điểm của hoạt động thờ cúng và tế tự trong dòng họ cho thấy: văn hóa dòng họ và các hoạt động tế tự của dòng họ chủ yếu nhận ảnh hưởng từ văn hóa Nho giáo và văn hóa Trung Hoa truyền thống, hầu như không bị ảnh hưởng bởi đạo Phật, văn hóa Phật giáo và tín ngưỡng bách linh.

Về lịch sử xây dựng và bài trí của từ đường dòng họ: Từ đường dòng họ đã xuất hiện trong những gia tộc quyền quý ở vùng kinh đô từ thời Lê, rồi sau đó lan ra các dòng họ bình dân ở các vùng thôn quê trong suốt thời nhà Nguyễn. Ban đầu từ đường dòng họ có thể là ngôi nhà nhỏ bằng cỏ, sau đó đổi thành nhà ngói, thường tổ chức mặt bằng theo lối chữ Nhất, chữ Nhị, chữ Công, chữ Đinh. Phổ biến là kiểu nhà bố trí mặt bằng theo lối chữ Nhất. Trong không gian chính của từ đường, Thủy tổ và các vị Tiên tổ đời trước thường được thờ ở ban giữa của gian trung tâm, các vị Tiên tổ đời sau được thờ ở hai bên, Thổ công được thờ lâm thời ở bên ngoài từ đường. Còn Hậu tộc có thể có ban riêng ở bên trái từ đường, hoặc không có ban riêng mà được thờ ngay tại vị trí của bia Hậu. Bia ấy vốn được dựng ở bên trái hoặc bên phải từ đường.

Về vai trò của ông Tộc trưởng trong hoạt động bầu và thờ Hậu tộc: Tộc trưởng không quản lý số tiền được cung tiến cho dòng họ mà quản lý diện tích ruộng cung tiến. Tộc trưởng chỉ có quyền canh tác mà không có quyền chuyển nhượng hay định đoạt đối với diện tích ruộng ấy. Trong việc thờ cúng Hậu tộc, Tộc trưởng là người chuẩn bị chính cho lễ cúng Hậu nên cúng xong Tộc trưởng được biểu phần. Trong quá trình thương thảo để đi đến thỏa thuận gửi Hậu, nếu ông Tộc trưởng muốn gửi Hậu thì cũng được ứng xử như các thành viên khác chứ không có quyền lợi hay nghĩa vụ đặc thù nào. Còn trong việc đứng tên chứng kiến việc gửi Hậu và lập bia Hậu, Tộc trưởng có thể là một trong những người đứng ra lập bia Hậu tộc hoặc là một trong những người chứng kiến và kí tên trong danh sách người dựng bia.

5. Một vài kiến nghị

Thứ nhất: Từ việc có thể nghiên cứu hoạt động bầu và thờ Hậu tộc cùng một số vấn đề của đời sống gia tộc từ 173 văn bia Hậu tộc, chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng vào khả năng nghiên cứu lịch sử dòng họ cùng nhiều vấn đề của đời sống dòng họ thông qua hệ thống văn bia của gia tộc. Theo thống kê bước đầu của tác giả luận án, số thác bản văn bia của dòng họ hiện được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu gồm 2149 thác bản văn bia. Con số này có thể gợi ý cho chúng ta nghĩ đến những việc như thống kê, phân loại, nghiên cứu và xác định giá trị của số thác bản này. Ngoài ra chúng ta cũng có thể tiến hành điền dã và sưu tầm thêm các văn bia gia tộc đang còn trong các dòng họ để có kho dữ liệu lớn và đầy đủ hơn. Từ kho dữ liệu ấy, việc nghiên cứu lịch sử địa phương, lịch sử xã hội từ cuộc đời các cá nhân, vai trò của tổ chức dòng họ trong làng xã,... là việc hoàn toàn khả thi.

Thứ hai: Trong đời sống xã hội hiện nay, chúng ta hầu như không thấy ai nhắc tới hoạt động bầu Hậu và thờ Hậu. Từ người dân thường đến nhà hoạt động văn hóa, nhà hoạch định chính sách đều thấy tục bầu Hậu và thờ Hậu rất lạ lẫm. Nhiều người nghĩ đó là một phong tục của quá khứ và đã sớm mất đi sau năm 1945. Tuy nhiên, thực tế sưu tầm thác bản văn bia và thực tế điền dã địa phương cho thấy, hoạt động bầu Hậu và thờ Hậu vẫn tồn tại và biến đổi cùng đời sống xã hội. Vì vậy, các nhà nghiên cứu văn hóa cần có những khảo cứu kịp thời để thảo luận và tham gia kiến nghị với các nhà hoạch định chính sách, nhằm phát huy vai trò và tác dụng của hoạt động này trong nhiệm vụ xây dựng xã hội ngày nay.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Mai Thu Quỳnh (2019), “Hoạt động gửi giỗ trong dòng họ: Khảo sát qua tư liệu tộc ước”, *Tạp chí Hán Nôm* (5), tr.47-62.
2. Mai Thu Quỳnh (2021), “Tổng quan tư liệu văn bia Hậu tộc, gửi giỗ tại thành phố Hà Nội”, *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2021*, NXB. Thế Giới, Hà Nội, tr.183-198.
3. Mai Thu Quỳnh (2022), “Tổng quan về tư liệu văn bia Hậu tộc tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm* (2), tr.54-65.
4. Mai Thu Quỳnh (2023), “Huệ nghĩa điền/Bản tộc kí/Nam giáp kí: Văn bia bầu Hậu tộc sớm nhất ở Hải Dương thế kỉ XVII”, *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2023*, NXB. Thế giới, ISBN 978-604-77-6513-3, tr.925-934.
5. Mai Thu Quỳnh (2023), “The customs of establishing Hậu tộc in Việt Nam: From the survey of Hậu tộc epitaphs”, *The First International Conference on the Issues of Social Sciences and Humanities*, Vietnam National University Press, Ha Noi, ISBN 978-604-9990-98-4, pp.851-870.
6. Mai Thu Quỳnh (2024), “The Hậu tộc election culture of the Vietnamese people: the Process and the titles”, *Second International Conference on the Issues of Social Sciences and Humanities*, Vietnam National University Press, Ha Noi, ISBN 978-604-9990-98-4, pp.820-844.
7. マイ・トゥ・クイン (2024), “族のハウ碑文から見たベトナム家族”, *東アジアの儒教資料とベトナム碑文: 学際的アプローチ*, 東アジア・ジェンダー科研事務局, 東京, ISBN: 978-4-9913903-0-2, pp.111-121.